

Phụ lục VI

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN, HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023

*** CẤP THCS**

TT	Khối	Tổng số HS	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN								ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng khối 6-7		58.826	50.047	85,1	7.590	12,9	1.112	1,9	77	0,1	13.197	22,4	24.043	40,9	18.299	31,1	3.287	5,6
1	Khối 6	30.500	26.149	85,7	3.804	12,5	521	1,7	26	0,1	7.023	23,0	12.604	41,3	9.310	30,5	1.563	5,1
2	Khối 7	28.326	23.898	84,4	3786	13,4	591	2,1	51	0,2	6.174	21,8	11.439	40,4	8989	31,7	1724	6,1

TT	Khối	Tổng số HS	HẠNH KIỂM								HỌC LỰC									
			Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng khối 8-9		58.051	49.939	86,0	7.260	12,5	799	1,4	53	0,1	15.584	26,8	24.695	42,5	15.213	26,2	2.457	4,2	102	0,2
1	Khối 8	29.660	25.050	84,5	4.080	13,8	497	1,7	33	0,1	7.562	25,5	12.491	42,1	8.060	27,2	1.467	4,9	80	0,3
2	Khối 9	28.391	24.889	87,7	3180	11,2	302	1,1	20	0,1	8.022	28,3	12.204	43,0	7153	25,2	990	3,5	22	0,1

*** CẤP THPT**

TT	Khối	Tổng số HS	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN								ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 10		19.416	17.283	89,0	1.800	9,3	264	1,4	57	0,3	6.493	33,4	9.111	46,9	3.476	17,9	336	1,7

TT	Khối	Tổng số HS	HẠNH KIỂM								HỌC LỰC									
			Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng khối 11-12		33.766	31.561	93,5	1.976	5,9	323	1,0	72	0,2	15.830	46,9	15.011	44,5	2.704	8,0	212	0,6	9	0,0
1	Khối 11	17.361	15.956	91,9	1.276	7,3	236	1,4	59	0,3	7.086	40,8	7.973	45,9	2.095	11,9	198	1,1	9	0,1
2	Khối 12	16.405	15.605	95,1	700	4,3	87	0,5	13	0,1	8.744	53,3	7.038	42,9	609	3,7	14	0,1	0	0,0